TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2020.
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Việt Hoài
2. Bà Lê Thị Sinh Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2019 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm: 1992

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền N, sinh năm: 1992

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Đường C, tổ 21, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/11/2019, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là anh Nguyễn Trọng T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Huyền N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2013 tại UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng không thay đổi được dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng nên đến cuối năm 2016 vợ chồng ly thân đến nay, tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được. Vì vậy, anh đề nghị giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Huyền N.

Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016, cả hai con đang ở cùng anh chị. Ly hôn, anh đề nghị giao cả 02 con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng/con (4.000.000đ/tháng/2 con). Hiện nay anh đang làm dịch vụ ăn uống ban đêm, thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000 đồng, còn chị N làm dịch vụ chăm sóc sắc đẹp, thu nhập bình quân hàng tháng 6.000.000 đồng.

Anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Trọng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2013 tại UBND phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cơ bản là hòa thuận, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Đến tháng 7/2018, mâu thuẫn vợ chồng thực sự căng thẳng, nguyên nhân chính là do anh T chơi bời lô đề, sử dụng chất ma túy, không tu chí làm ăn, nợ nần nhiều, không quan tâm chăm sóc con cái. Mặc dù chị đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng ngày càng căng thẳng nên vợ chồng ly thân từ tháng 7/2018 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Chị được biết anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và đang chung sống với người này. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn thực sự căng thẳng, tuy nhiên vì thương con nên chị không muốn ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016, nếu phải ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con

2.500.000đ/tháng/con (02 con là 5.000.000đ/tháng) kể từ khi có quyết định của Tòa án cho đến khi con tròn 18 tuổi. Nếu anh T không đồng ý để chị nuôi cả hai con thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Linh G, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Gia B, không ai phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay chị làm nghề tự do, thu nhập 4.000.000đ/tháng, anh T bán hàng ăn đêm, thu nhập thế nào chị không nắm được.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị N, chị N không đồng ý ly hôn vì các con còn quá nhỏ. Anh T và chị N thỏa thuận: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Gia B, chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Linh G, không ai phải cấp dưỡng cho con. Anh chị tự phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T và chị N đang cư trú cung cấp nội dung như sau:

Anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị Huyền N sau khi kết hôn theo quy định của pháp luật thì sinh sống tại địa chỉ: Đường C, tổ 21, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn địa phương có biết và cụ thể như anh chị đã trình bày. Nay anh T xin ly hôn chị N, địa phương không muốn hai người ly hôn, trở về đoàn tụ, tuy nhiên, nếu hai người kiên quyết ly hôn thì đó là quyền của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh T và chị N có 02 con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016. Cả hai người đều là lao động tự do, có thu nhập, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh, nguyện vọng của anh chị và quy định của pháp luật để giải quyết, đảm bảo sự phát triển mọi mặt cho các con.

Về tài sản của anh T và chị N địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và

Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị nguyễn Thị Huyền N.

+ Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là chị Nguyễn Thị Huyền N vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn là anh Nguyễn Trọng T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Nguyễn Thị Huyền N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị N trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh T chơi bời lô đề, sử dụng ma túy và có quan hệ bất chính nhưng chị không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị N xác định không còn tình cảm với anh T nhưng muốn đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với anh T. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị N ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016. Ly hôn, anh T và chị N thỏa thuận: Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016, chị N trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013, không ai phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy thỏa thuận của anh T và chị N về việc nuôi con và không yêu cấp dưỡng cho con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con, đảm bảo quyền lợi moi mặt cho con nên căn cứ vào các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận này của anh T và chị N.

[4] Về tài sản chung: Do anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 147; 203; 235; 238; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Gia B, sinh ngày 24/01/2016 cho anh Nguyễn Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Linh G, sinh ngày 08/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Huyền N trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị N có quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009650 ngày 16/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thái

Nơi nhận:

- VKSND TP.Thái Bình;
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP.T;
- UBND phường K, thành phố T (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.